

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI THỊNH PHÁT**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI THINH PHAT IMPORT EXPORT SERVICES TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HAI THINH PHAT IMPORT EXPORT SERVICES TRADING CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703222788

**3. Ngày thành lập:** 04/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 32, Đường N7, Khu dân cư ấp 5B, Phường Thới Hòa, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0906673542

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>(trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở)                                                                                                                                                                      | 1410(Chính) |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4641        |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn cửa gỗ, cửa kim loại, cửa kính, cửa tự động                                                                                                                                                                               | 4669        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ bảo hộ lao động, quần áo, hàng may mặc; Bán buôn giày dép; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ dược phẩm); Bán buôn đồng hồ, mắt kính và phụ kiện các loại; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649        |
| 5.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ bảo hộ lao động, quần áo, hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh                       | 4771        |
| 6.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2592        |
| 7.  | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                          | 4751        |
| 8.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                     | 4752        |

Thời gian đăng từ ngày 05/07/2024 đến ngày 04/08/2024

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy may mini, máy may công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; Bán buôn máy móc, thiết bị âm thanh, ánh sáng, các thiết bị phục vụ tổ chức sự kiện; Bán buôn máy móc, thiết bị ngành điện lạnh. | 4659 |
| 10. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết: Sản xuất cửa kim loại, vách ngăn kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2511 |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ mua bán vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4662 |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4663 |
| 13. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322 |
| 15. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3312 |
| 16. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3313 |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3314 |
| 18. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3319 |
| 19. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 9511 |
| 20. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9522 |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3320 |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4651 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652 |
| 24. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4741 |
| 25. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4759 |
| 26. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4761 |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4773 |
| 28. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4632 |
| 29. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4722 |
| 30. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4101 |
| 31. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4102 |
| 32. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4221 |
| 33. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4222 |
| 34. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4223 |

